TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-PT
Ngày: 19-6-2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLPT- DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 12/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2019/QĐ-PT ngày 04/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1967; cư trú tại tổ dân phố 5B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1990; cư trú tại xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1225 quyển số: 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 4 tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 11/6/2019), có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Nh, sinh năm: 1964, cư trú tại tổ dân phố 1C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Hồ Xuân L, sinh năm: 1968, bà Vũ Thị H, sinh năm: 1983; cư trú tại thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh

Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: tổ dân phố 6A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Duy Nh – Bị đơn; Vợ chồng ông Hồ Xuân L, bà Vũ Thị H – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2018, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Nguyễn Thị D thì:

Ngày 15/7/2017 Ông Nguyễn Duy Nh gọi điện thoại hỏi vay bà số tiền 2.000.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn vay là 02 tháng nhưng ông Nh không đến lấy tiền mà vợ chồng ông Hồ Xuân L, bà Vũ Thị H đến nhận, vợ chồng ông L, bà H ký giấy vay tiền. Cùng ngày 15/7/2018 Ông Nguyễn Duy Nh đứng ra cam kết sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền 2.000.000.000đ cho bà nếu vợ chồng ông L, bà H không có khả năng trả nợ. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà đòi vợ chồng ông L, bà H trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông L, bà H không trả, bà đến nhà làm việc với ông Nh nhưng ông Nh không trả. Nay bà yêu cầu ông Nh trả cho bà số tiền 2.000.000.000đ và tiền lãi từ ngày 15/7/2017 đến ngày 12/02/2019 (18 tháng 27 ngày) là 629.747.999đ.

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông L, bà H tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án số 01/2019/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2019; Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D.

Buộc Ông Nguyễn Duy Nh phải trả cho Bà Nguyễn Thị D số tiền 2.629.747.999đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 27/02/2019 Ông Nguyễn Duy Nh và ngày 11/3/2019 vợ chồng ông Hồ Xuân L, bà Vũ Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông Nh, vợ chồng ông L, bà H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng ông L, bà H có lập giấy vay tiền của bà D, do khi đến hạn vợ chồng ông L, bà H không trả nợ nên bà D yêu cầu ông Nh phải có trách nhiệm trả khoản tiền mà vợ chồng ông L, bà H đã nhận vào ngày 15/7/2017 vì cho rằng chính ông Nh là người vay tiền và do trước đó ông Nh có cam kết trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà H; ông Nh không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Theo hồ sơ thể hiện thì việc vợ chồng ông L, bà H nhận tiền của bà D là có xảy ra trong thực tế. Tuy nhiên tại giấy vay tiền ngày 15/7/2017 thể hiện nội dung *"tôi tên là Vũ Thị Hương, sinh năm 1983, trú tại khu phố 6, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Lâm Đồng có vay chị D số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, thời hạn vay 02 tháng"*, vợ chồng ông L, bà H là người ký ở mục người vay tiền. Như vậy hợp đồng vay tiền này được giao kết giữa bà D và vợ chồng ông L, bà H, vợ chồng ông L, bà H là người ký giấy nợ và nhận số tiền 2.000.000.000đ của bà D. Tại mặt sau của giấy vay tiền này có nội dung *"Tôi Nguyễn Duy Nh chịu trách nhiệm số tiền 2.000.000.000 đồng ngày 15/7/2017 của anh Hồ Xuân Lợi, bà Vũ Thị H vay của bà D"*. Nội dung của dòng chữ này chưa thể hiện rõ là ông Nh bão lãnh cho khoản vay nói trên của vợ chồng ông L, bà H hay thể hiện việc đòi nợ giúp, đôn đốc việc bên vay trả nợ cho nguyên đơn. Trong trường hợp xác định ông Nh là người bảo lãnh thì ông Nh chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bên vay không trả được số tiền đã vay; cấp sơ thẩm chưa làm rõ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông L, bà H mà lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông Nh phải trả nợ cho bà Nhã là không có căn cứ.

[3] Tại Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 16/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì vợ chồng ông L, bà H thừa nhận có vay của bà D số tiền 2.000.000.000đ và lãi suất như bà D trình bày, đồng ý trả cho bà D số tiền đã vay sau khi trừ số tiền lãi là 480.000.000đ đã trả trước kia, bà D cũng thừa nhận đã nhận tiền lãi từ bà H. Lúc đầu hai bên thỏa thuận lãi suất là 36%/năm sau đó bà D thấy quá cao nên đã hạ xuống còn 20%/năm. Tuy sau đó bà D có đơn xin thay đổi lời khai tại Biên bản lấy lời khai đối chất nói trên nhưng điều này không làm thay đổi bản chất của giao dịch vay nợ giữa các bên là vợ chồng ông L, bà H là người vay và trực tiếp nhận tiền của bà D. Ngoài ra theo đơn khởi kiện ghi ngày 11/6/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm bà D cũng cho rằng khi đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L, bà H phải trả nợ nhưng không được thực hiện do đó bà mới có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nh, là người bảo lãnh, trả nợ thay cho vợ chồng ông L, bà H, điều này lại càng cho thấy các bên đều xác định bên vay là vợ chồng ông L, bà H chứ không phải là ông Nh, do bên vay

không trả được nợ nên nguyên đơn mới yêu cầu ông Nh phải trả số tiền mà vợ chồng ông L, bà H đã ký nhận nợ.

[4] Tại phiên tòa, bà D cho rằng trong thực tế ông Nh là người vay tiền, không phải là người bảo lãnh, vợ chồng ông L, bà H chỉ là người nhận tiền giúp ông Nh nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, ông Nh lại không thừa nhận, xét lời trình bày của nguyên đơn là không có căn cứ xem xét vì trong trường hợp vợ chồng ông L, bà H nhận tiền thay ông Nh thì trong giấy vay tiền ngày 15/7/2017 không thể có nội dung thể hiện vợ chồng ông L, bà H vay tiền và ký nhận ở mục người vay được. Vợ chồng ông L, bà H thừa nhận đã vay của bà D số tiền mà hiện nay nguyên đơn đang yêu cầu ông Nh trả nợ và đồng ý trả số nợ, lẽ ra trong trường hợp vợ chồng ông L, bà H không trả số tiền đã vay, các bên không thỏa thuận được việc trả nợ thì bà D được quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà H phải có trách nhiệm trả nợ theo quy định của pháp luật nhưng bà D lại có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nh phải trả số tiền mà vợ chồng ông L, bà H đã vay của bà D là không có cơ sở xem xét.

[5] Cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng tính chất của vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa chính xác nên cần chấp nhận kháng cáo của ông Nh và vợ chồng ông L, bà H; sửa án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[6] Về án phí:

Bà D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 84.594.595đ{số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 2.629.747.999đ; cụ thể: 72.000.000đ + (2% x 629.747.999đ = 84.594.960đ).

Do sửa án nên đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 335, 336, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Duy Nh, vợ chồng ông Hồ Duy L, bà Vũ Thị H, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" của Bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu Ông Nguyễn Duy Nh phải trả số tiền 2.629.747.999đ (hai tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy

nghìn chín trăm chín mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), tiền lãi là 629.747.999đ (sáu trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thị D phải chịu 84.594.960đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 38.324.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002147 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lâm Đồng. Bà D còn phải nộp 46.270.960đ.

- Án phí phúc thẩm: ông Nh, vợ chồng ông L, bà H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, ông Nh được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0009678 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông L, bà H được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0009688 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện T, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện T, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch